

LỜI MỞ ĐẦU

Luật Giám định tư pháp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026, gồm có 06 chương, 45 điều, với các quy định để bảo đảm thể chế hóa Chỉ thị số 54-CT/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, thực hiện tinh thần đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giám định tư pháp.

Việc xây dựng, ban hành Luật Giám định tư pháp trong tình hình hiện nay xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đối với hoạt động giám định tư pháp, nhằm tiếp tục thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước để góp phần quan trọng trong việc khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay trong hoạt động giám định tư pháp, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của hoạt động tố tụng, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới.

Nhằm tuyên truyền, phổ biến những quy định của Luật Giám định tư pháp đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, nâng cao nhận thức pháp luật, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai biên soạn tài liệu “Hỏi – Đáp Luật Giám định tư pháp” tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu!

Câu 1. Hỏi: Giám định tư pháp là gì?

Đáp: Giám định tư pháp là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kiểm tra, đánh giá, kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trung cầu của người trung cầu giám định tư pháp hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định tư pháp (khoản 1 Điều 3 Luật Giám định tư pháp năm 2025).

Câu 2. Hỏi: Người trung cầu giám định tư pháp và người yêu cầu giám định tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 là người như thế nào? Bao gồm những ai?

Đáp:

- Người trung cầu giám định tư pháp bao gồm cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; cơ quan, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; cơ quan, người khác có thẩm quyền trung cầu giám định tư pháp theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 3 Luật Giám định tư pháp năm 2025).

- Người yêu cầu giám định tư pháp là người có quyền tự mình yêu cầu giám định tư pháp sau khi đã đề nghị người trung cầu giám định tư pháp trung cầu giám định mà không được chấp nhận theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật về tố tụng dân sự và pháp luật về tố tụng hành chính (khoản 3 Điều 3 Luật Giám định tư pháp năm 2025).

Câu 3. Hỏi: Người giám định tư pháp bao gồm những ai?

Đáp: Người giám định tư pháp bao gồm giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc. Trong đó:

- Giám định viên tư pháp là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm để thực hiện giám định tư pháp.

- Người giám định tư pháp theo vụ việc là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc được người trung cầu giám định tư pháp trung cầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật này.

(khoản 4, 5, 6 Điều 3 Luật Giám định tư pháp năm 2025).

Câu 4. Hỏi: Khi thực hiện giám định tư pháp thì phải tuân thủ các nguyên tắc nào?

Đáp: Điều 4 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định về nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp như sau:

1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo trình tự, thủ tục giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định.

2. Trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời.

3. Độc lập trong quá trình thực hiện giám định, đưa ra kết luận giám định.
4. Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề trong phạm vi được trưng cầu, yêu cầu giám định.
5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.

Câu 5. Hỏi: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gì đối với hoạt động giám định tư pháp?

Đáp: Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan (Điều 6 Luật Giám định tư pháp năm 2025).

Câu 6. Hỏi: Hãy cho biết những hành vi nào bị cấm theo Luật Giám định tư pháp năm 2025?

Đáp: Theo quy định tại Điều 9 Luật Giám định tư pháp năm 2025 thì các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

1. Từ chối tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng; cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp, thời gian ban hành kết luận giám định tư pháp.
2. Từ chối kết luận giám định tư pháp mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.
3. Tiết lộ thông tin trong quá trình thực hiện giám định tư pháp gây ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng.
4. Lợi dụng danh nghĩa người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp để trục lợi.
5. Nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích khác từ đơn vị, tổ chức, cá nhân để làm sai lệch việc trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp hoặc để làm sai lệch kết quả, kết luận giám định tư pháp.
6. Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.
7. Lợi dụng việc trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp để gây khó khăn, cản trở hoạt động tố tụng.
8. Lạm dụng việc trưng cầu giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự để thay thế công tác điều tra, thực hiện nghĩa vụ chứng minh của cơ quan tiến hành tố tụng.
9. Can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp.
10. Xúi giục, đe dọa, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

Câu 7. Hỏi: Để được xem xét, bổ nhiệm làm giám định viên tư pháp thì phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?

Đáp: Khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt;
2. Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian thực tế hoạt động chuyên môn từ đủ 03 năm trở lên;

3. Đã qua khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp.

Câu 8. Hỏi: Những trường hợp nào thì không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp?

Đáp: Khoản 3 Điều 11 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định những trường hợp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp, bao gồm:

a) Người không đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này (xem tại câu 7);

b) Người bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

c) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

d) Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

đ) Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm; công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc.

Quy định tại điểm này được áp dụng trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm quyết định kỷ luật có hiệu lực;

e) Người đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Câu 9. Hỏi: Giám định viên tư pháp bị/được miễn nhiệm trong các trường hợp nào?

Đáp:

Khoản 4 Điều 11 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định Giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này (xem tại câu 8);

b) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này (xem tại câu 6);

c) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc có hiệu lực, trừ trường hợp giám định viên tư pháp có nguyện vọng tiếp tục làm giám định tư pháp tại cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi giám định viên tư pháp đã làm việc và được sự đồng ý của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó theo quy định của pháp luật;

d) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị, tổ chức khác mà không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được bổ nhiệm;

đ) Không thành lập, tham gia thành lập hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại văn phòng giám định tư pháp hoặc không làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

Khoản 5 Điều 11 Luật Giám định tư pháp quy định Giám định viên tư pháp được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân. Trường hợp giám định viên tư pháp đang làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó.

Câu 10. Hỏi: Người đã bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp thì có được xem xét, bổ nhiệm lại không? Nếu có thì sẽ được xem xét, bổ nhiệm lại trong các trường hợp nào?

Đáp: Người đã bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp thì có thể được xem xét, bổ nhiệm lại.

Khoản 6 Điều 11 Luật Giám định tư pháp quy định người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp được xem xét, bổ nhiệm lại trong các trường hợp sau đây:

a) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp do không đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này (xem tại câu 7) được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi lý do miễn nhiệm không còn và không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này (xem tại câu 8);

b) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp do bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi lý do miễn nhiệm không còn và không

thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 3 Điều này (xem tại câu 8);

c) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại các điểm c (Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý), d (Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc), đ (Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm; công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc) và e khoản 3 (Người đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên), điểm b khoản 4 Điều này (Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này) được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này (xem tại câu 7), đã hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp có hiệu lực và lý do miễn nhiệm không còn;

d) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại điểm c (Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc có hiệu lực, trừ trường hợp giám định viên tư pháp có nguyện vọng tiếp tục làm giám định tư pháp tại cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi giám định viên tư pháp đã làm việc và được sự đồng ý của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó theo quy định của pháp luật) và điểm d khoản 4 Điều này (Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị, tổ chức khác mà không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được bổ nhiệm) được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này (xem tại câu 8);

đ) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này (Không thành lập, tham gia thành lập hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại văn phòng giám định tư pháp hoặc không làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được bổ nhiệm giám định viên tư pháp) được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp sau 12 tháng kể từ ngày bị miễn nhiệm khi không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này (xem tại câu 8);

e) Người được miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 5 Điều này (Giám định viên tư pháp được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân) được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này (xem tại câu 7) và không

thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này (xem tại câu 8).

Câu 11. Hỏi: Ai có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp?

Đáp:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; cá nhân đăng ký thường trú tại địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

(Khoản 1, khoản 2 Điều 11 Luật Giám định tư pháp).

Câu 12. Hỏi: Hãy cho biết giám định viên tư pháp có những quyền gì?

Đáp: Khoản 1 Điều 12 Luật Giám định viên tư pháp năm 2025 quy định Giám định viên tư pháp có các quyền sau đây:

a) Thành lập, tham gia thành lập, làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại văn phòng giám định tư pháp hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật;

b) Thành lập, tự nguyện tham gia hội giám định viên tư pháp theo quy định của pháp luật về hội;

c) Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này (Yêu cầu người trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp cung cấp đầy đủ hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định; Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định; Sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm, kết luận chuyên môn hoặc kết luận giám định do tổ chức, cá nhân khác đã thực hiện phục vụ cho việc giám định; Độc lập đưa ra kết luận giám định; Đề nghị người trung cầu giám định tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ bản thân, người thân thích của mình khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do tham gia vụ việc, vụ án; Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại Điều 38 của Luật này; Được bổ trí vị trí phù hợp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa; Được hưởng thù lao, chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, chi phí tham gia phiên tòa và chi phí cần thiết khác theo quy định của pháp luật; Được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan và của cấp có thẩm quyền khi đã thực hiện giám định đúng quy định về trình tự, thủ tục, quy trình giám định tư pháp, quy chuẩn

chuyên môn trong hoạt động giám định, vô tư, khách quan, không vụ lợi; trường hợp kết luận gian dối hoặc từ chối kết luận giám định mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự; Được sử dụng người giúp việc trong quá trình thực hiện giám định tư pháp; Quyền khác theo quy định của pháp luật) và quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Câu 13. Hỏi: Hãy cho biết, giám định viên tư pháp có những nghĩa vụ gì?

Đáp: Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Giám định tư pháp năm 2025 thì giám định viên tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục giám định tư pháp quy định tại Luật này;

b) Tham gia khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp hằng năm;

c) Thực hiện giám định theo trung cầu, yêu cầu của người trung cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo phân công của cơ quan, đơn vị, tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định;

d) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 24 (Tuân thủ quy trình giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định khi thực hiện giám định tư pháp; Thực hiện giám định theo đúng nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định; Thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu; Lập hồ sơ giám định; Bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, mẫu vật có liên quan đã nhận và gửi trả lại cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người trung cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản; Chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định do mình đưa ra; Bồi thường thiệt hại khi thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật; Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật), khoản 2 Điều 38 của Luật này (Pháp luật về tố tụng quy định không được giám định; Được trung cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ việc, vụ án mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc, vụ án theo quy định của pháp luật về tố tụng; Có căn cứ rõ ràng cho rằng tổ chức, cá nhân không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định; Trường hợp khác theo quy định của pháp luật) và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Câu 14. Hỏi: Để được công nhận là người giám định tư pháp theo vụ việc thì phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?

Đáp: Khoản 1 Điều 13 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định 1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được công nhận là người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

Trường hợp người không đáp ứng quy định tại điểm b này nhưng có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực, chuyên ngành cần giám định thì cơ quan, tổ chức xem xét quyết định lựa chọn, công nhận người đó là người giám định tư pháp theo vụ việc.

Câu 15. Hỏi: Những ai không được công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc? Người giám định tư pháp theo vụ việc được/bị hủy bỏ công nhận trong những trường hợp nào?

Đáp:

* Khoản 5 Điều 14 Luật Giám định tư pháp quy định những trường hợp sau đây không được công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Người không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 của Luật này (xem tại câu 14);

b) Người thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 11 của Luật này (xem tại câu 8).

* Khoản 6 Điều 14 Luật Giám định tư pháp quy định người giám định tư pháp theo vụ việc bị hủy bỏ công nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 của Luật này (xem tại câu 14);

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 11 của Luật này (xem tại câu 8);

c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này (xem tại câu 6);

d) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc có hiệu lực;

đ) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị, tổ chức khác mà không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được công nhận.

* Khoản 7 Điều 14 Luật Giám định tư pháp quy định người giám định tư pháp theo vụ việc được hủy bỏ công nhận theo nguyện vọng cá nhân. Trường hợp người giám định tư pháp theo vụ việc đang làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó.

Câu 16. Hỏi: Người trung cầu giám định tư pháp có quyền và nghĩa vụ gì?

Đáp: Điều 22 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định quyền, nghĩa vụ của người trung cầu giám định tư pháp, cụ thể như sau:

1. Người trung cầu giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Trưng cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp để thực hiện giám định;

b) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp trả kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn đã yêu cầu;

c) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đã thực hiện giám định giải thích kết luận giám định;

d) Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày kết luận giám định;

đ) Quyết định giám định bổ sung, giám định lại, thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giám định tư pháp;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người trưng cầu giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Ra quyết định trưng cầu giám định bằng văn bản;

b) Xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong quyết định trưng cầu đối với vụ việc, vụ án đang giải quyết; nội dung trưng cầu phải cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đối tượng giám định;

c) Lựa chọn người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có năng lực, đủ điều kiện thực hiện giám định phù hợp với tính chất, nội dung cần giám định để ra quyết định trưng cầu giám định;

d) Cung cấp đầy đủ hồ sơ trưng cầu giám định ngay khi ban hành quyết định trưng cầu giám định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ trưng cầu giám định do mình cung cấp;

đ) Thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do tham gia vụ việc, vụ án;

e) Thông báo ngay bằng văn bản cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp biết việc đình chỉ giải quyết vụ việc, vụ án để dừng việc thực hiện giám định;

g) Thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trưng cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động;

h) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 17. Hỏi: Người yêu cầu giám định tư pháp có những quyền và nghĩa vụ gì?

Đáp: Điều 23 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giám định tư pháp, cụ thể như sau:

1. Người yêu cầu giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp thực hiện giám định sau khi đã đề nghị người trung cầu giám định tư pháp trung cầu giám định mà không được chấp nhận;

b) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp trả kết luận giám định đúng thời hạn quy định tại Luật này;

c) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp giải thích kết luận giám định;

d) Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày kết luận giám định;

đ) Yêu cầu người trung cầu giám định tư pháp trung cầu giám định bổ sung, giám định lại theo quy định tại Điều 32 của Luật này¹;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người yêu cầu giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ hồ sơ yêu cầu giám định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ yêu cầu giám định do mình cung cấp;

b) Nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi yêu cầu giám định; thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp khi nhận kết luận giám định;

c) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 18. Hỏi: Người giám định tư pháp có những quyền và nghĩa vụ gì trong hoạt động giám định tư pháp?

Đáp: Điều 24 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định Quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp trong hoạt động giám định tư pháp như sau:

1. Người giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu người trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp cung cấp đầy đủ hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định;

b) Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định;

¹ Điều 32. Giám định bổ sung, giám định lại

1. Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ việc, vụ án đã được kết luận giám định trước đó. Việc trung cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

2. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có nghi ngờ kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 của Luật này. Việc trung cầu, yêu cầu giám định lại được thực hiện như giám định lần đầu.

3. Người trung cầu giám định tự mình hoặc theo đề nghị của người yêu cầu giám định quyết định việc trung cầu giám định lại. Trường hợp người trung cầu giám định không chấp nhận yêu cầu giám định lại thì phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm, kết luận chuyên môn hoặc kết luận giám định do tổ chức, cá nhân khác đã thực hiện phục vụ cho việc giám định;

d) Độc lập đưa ra kết luận giám định;

đ) Đề nghị người trung cầu giám định tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ bản thân, người thân thích của mình khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do tham gia vụ việc, vụ án;

e) Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại Điều 38 của Luật này (xem tại câu 22);

g) Được bố trí vị trí phù hợp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa;

h) Được hưởng thù lao, chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, chi phí tham gia phiên tòa và chi phí cần thiết khác theo quy định của pháp luật;

i) Được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan và của cấp có thẩm quyền khi đã thực hiện giám định đúng quy định về trình tự, thủ tục, quy trình giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định, vô tư, khách quan, không vụ lợi; trường hợp kết luận gian dối hoặc từ chối kết luận giám định mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự;

k) Được sử dụng người giúp việc trong quá trình thực hiện giám định tư pháp;

l) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy trình giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định khi thực hiện giám định tư pháp;

b) Thực hiện giám định theo đúng nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định;

c) Thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu;

d) Lập hồ sơ giám định;

đ) Bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, mẫu vật có liên quan đã nhận và gửi trả lại cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

e) Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người trung cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản;

g) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định do mình đưa ra;

h) Bồi thường thiệt hại khi thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

i) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 19. Hỏi: Hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về thời gian giám định tư pháp?

Đáp:

Điều 30 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định về thời hạn giám định tư pháp như sau:

1. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này tối đa là 02 tháng; trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 03 tháng; trường hợp vụ việc giám định có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc khối lượng công việc đặc biệt lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng.

Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định, thời hạn giám định tối đa nêu tại khoản này để quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể.

3. Thời điểm tính thời hạn giám định tư pháp là ngày người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp nhận được đầy đủ hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này².

4. Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan làm cơ sở cho việc giám định thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp bổ sung trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc xác định được nội dung cần bổ sung. Người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có trách nhiệm bổ sung thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Thời gian từ khi người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị đến khi nhận được thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan bổ sung thì không tính vào thời hạn giám định.

5. Trường hợp không thể hoàn thành đúng thời hạn giám định, chậm nhất là 24 giờ trước thời hạn trả kết luận giám định, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu giám định gia hạn. Người trưng cầu giám định quyết định việc gia hạn nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

Câu 20. Hỏi: Trong kết luận giám định tư pháp phải gồm những nội dung gì?

² Điều 29. Giao nhận hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp

1. Hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định được giao, nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính, bao gồm:

a) Quyết định trưng cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định;

b) Thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có);

c) Đối tượng giám định (nếu có).

Đáp: Khoản 1 Điều 35 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định Kết luận giám định tư pháp phải bằng văn bản, bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Họ tên người giám định tư pháp; tên, địa chỉ tổ chức thực hiện giám định tư pháp;
- b) Tên người trung cầu giám định tư pháp; số văn bản trung cầu giám định tư pháp hoặc họ tên người yêu cầu giám định tư pháp;
- c) Thông tin xác định đối tượng giám định;
- d) Thời gian nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp;
- đ) Nội dung yêu cầu giám định;
- e) Phương pháp thực hiện giám định;
- g) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng giám định theo trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp;
- h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

Câu 21. Hỏi: Hồ sơ giám định tư pháp bao gồm những gì?

Đáp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Giám định tư pháp năm 2025 thì Hồ sơ giám định tư pháp do người thực hiện giám định tư pháp lập bao gồm:

- a) Hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định;
- b) Biên bản giao, nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định;
- c) Văn bản hoặc phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định;
- d) Bản ảnh giám định (nếu có);
- đ) Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện (nếu có);
- e) Tài liệu khác có liên quan đến việc giám định (nếu có);
- g) Kết luận giám định tư pháp.

Câu 22. Hỏi: Những trường hợp nào thì được từ chối thực hiện giám định tư pháp, không được thực hiện giám định tư pháp?

Đáp: Điều 38 Luật Giám định tư pháp quy định Các trường hợp từ chối thực hiện giám định tư pháp, không được thực hiện giám định tư pháp, cụ thể như sau:

1. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp được từ chối thực hiện giám định trong các trường hợp sau đây:

- a) Nội dung trung cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn của người, tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định;
- b) Không đủ khả năng chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện về phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho việc thực hiện giám định;

c) Đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định sau khi đã đề nghị người trưng cầu, người yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng;

d) Thời gian không đủ để thực hiện giám định;

đ) Tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm;

e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không được thực hiện giám định tư pháp trong các trường hợp sau đây:

a) Pháp luật về tố tụng quy định không được giám định;

b) Được trưng cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ việc, vụ án mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc, vụ án theo quy định của pháp luật về tố tụng;

d) Có căn cứ rõ ràng cho rằng tổ chức, cá nhân không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Câu 23. Hỏi: Hãy cho biết quy định của pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm trong hoạt động giám định tư pháp?

Đáp: Điều 42 Luật Giám định tư pháp năm 2025 quy định Xử lý vi phạm trong hoạt động giám định tư pháp như sau:

1. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan trong tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, vi phạm quy định về trưng cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định hoặc tiếp nhận, thực hiện giám định thì tùy mức độ vi phạm mà bị xử lý trách nhiệm công vụ, trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người giám định tư pháp là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tổ chức thực hiện giám định ở khu vực ngoài nhà nước vi phạm quy định về tiếp nhận, thực hiện giám định, tham gia tố tụng với tư cách là tổ chức, cá nhân giám định thì tùy theo mức độ mà bị xử lý vi phạm hành chính, trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Câu 24. Hỏi: Luật Giám định tư pháp năm 2025 được thông qua ngày tháng năm nào và có hiệu lực từ ngày tháng năm nào?

Đáp: Luật Giám định tư pháp năm 2025 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Câu 25. Hỏi: Những người đã được bổ nhiệm giám định tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp đã được thành lập và đăng ký hoạt động theo Luật Giám định tư pháp năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2020 (viết tắt là Luật Giám định tư pháp năm 2012) thì có phải bổ nhiệm, công nhận, thành lập, đăng ký hoạt động lại không? Hồ sơ liên quan đến giám định tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật Giám định tư pháp năm 2025 có hiệu lực thi hành (trước ngày 01/5/2026) thì giải quyết như thế nào?

Đáp: Điều 45 Luật Giám định tư pháp năm 2025 Quy định chuyên tiếp như sau:

1. Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp, thẻ giám định viên tư pháp, quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được ban hành theo quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012 tiếp tục có hiệu lực.

2. Trường hợp hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, thành lập, đăng ký hoạt động, cấp lại giấy đăng ký hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định, chuyển đổi loại hình văn phòng giám định tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012.

3. Người có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định của Luật này có thẩm quyền miễn nhiệm, bổ nhiệm lại, thu hồi thẻ, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, hủy bỏ công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được người có thẩm quyền bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012.

4. Trường hợp việc giám định đã được tiếp nhận, thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp tiếp tục thực hiện giám định, thanh toán, quyết toán chi phí giám định, bồi dưỡng giám định tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012.

5. Văn phòng giám định tư pháp đã được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012 tiếp tục được hoạt động theo quy định của Luật này.